

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26/01/2024

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Hữu Chính;

- Ông Nguyễn Hữu Huân.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Thanh Hà – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lệ Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 347/2023/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2023 về việc: Ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/11/2023, các Quyết định hoãn phiên tòa số: 95/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22/12/2023 và số: 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/01/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1977 (xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Tr, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* Anh Đào Văn N, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Tr, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đào Văn N về chung sống với nhau là ngày 16/12/1994 âm lịch, còn ngày dương lịch chị không nhớ. Trước khi cưới

có được tìm hiểu nhau, chị và anh N có ra Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã V đăng ký kết hôn; UBND xã V phát tờ khai cho chị, chị đã kê khai, sau đó cán bộ xã bảo chị về, chị cũng không rõ thủ tục cần làm những gì. Nhưng từ đó đến nay chị không nhận được giấy chứng nhận kết hôn, chị cũng không ký vào sổ đăng ký kết hôn. Sau khi cưới xong chị và anh N về ở với nhau, chị nghĩ đã đăng ký kết hôn, sau này chị mới biết là chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn, nên không có giấy chứng nhận kết hôn. Đến nay chị xác định chị và anh N không đăng ký kết hôn.

Trong quá trình chung sống, chị và anh N có 2 con chung là:

- Đào Văn N, sinh ngày 17/10/1995;
- Đào Văn Ng, sinh ngày 28/02/1998.

Nguyên nhân mâu thuẫn gia đình: Chị và anh N sống với nhau một thời gian thì anh N hay uống rượu, mỗi lần anh N uống rượu say lại về chửi mắng chị, đã nhiều lần anh N đánh chị. Anh N thường xuyên cờ bạc. Chị đã khuyên giải nhiều lần, nhưng anh N không nghe. Cuối năm 2021 sau khi cưới con thứ hai thì chị và anh N lại xảy ra cãi nhau, anh N đã đánh chị. Do không chịu được nữa, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Chị xác định không còn tình cảm với anh N, nên đề nghị Tòa án cho được ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh N có hai con chung như trình bày ở trên. Đến nay các con chị đã trưởng thành, đã lập gia đình và ra ở riêng, chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản: Đề chị và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Đào Văn N:* Anh N đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ. Nhưng anh N đến Tòa án làm việc và giao nộp chứng cứ.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H xin vắng mặt, còn anh N tiếp tục vắng mặt phiên tòa.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:*

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã được Tòa án cho thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS). Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo

phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà. Nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc và cung cấp chứng cứ là chưa chấp hành các quy định của BLTTDS.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều: 51, 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Các Điều: 28, 35, 39, 147, khoản 1 và 3 Điều 228, 171 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 và 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí; xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Đào Văn N là vợ chồng.

- Về con chung và tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị H có đơn xin ly hôn. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của BLTTDS xác định quan hệ pháp luật là: Ly hôn.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn anh Đào Văn N đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Đào Văn N về chung sống với nhau từ ngày 16/12/1994 âm lịch, không đăng ký kết hôn, hôn lễ được tổ chức theo nghi lễ phong tục tập quán.

Căn cứ Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định việc kết hôn phải được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Chị H và anh N về chung sống với nhau từ năm 1994 đến nay, không đăng ký kết hôn, nên đây không phải hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, chị H và anh N về ở với nhau ngay, thời gian đầu hai người sống hạnh phúc và đã có hai con chung là:

- Đào Văn N, sinh ngày 17/10/1995;
- Đào Văn Ng, sinh ngày 28/02/1998.

Nguyên nhân mâu thuẫn gia đình, theo chị H trình bày là do anh N hay uống rượu, mỗi lần anh N uống rượu say lại về chửi mắng chị, đã nhiều lần anh N đánh chị; anh N cũng thường xuyên cờ bạc. Chị đã khuyên giải nhiều lần, nhưng anh N không nghe. Cuối năm 2021 thì mâu thuẫn giữa chị và anh N lại xảy ra và chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Hai người sống ly thân từ đó cho đến nay.

Tòa án đã tiến hành hòa giải, vận động chị H và anh N về đoàn tụ và ra Ủy ban nhân dân có thẩm quyền đăng ký kết hôn. Tuy nhiên anh N vắng mặt. Còn chị H cương quyết xin ly hôn. Chứng tỏ mâu thuẫn trong gia đình chị H và anh N đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận chị H và anh N là vợ chồng.

[2.3] Về con chung: Chị H và anh N có hai con chung là: Đào Văn Nguyên, sinh ngày 17/10/1995 và Đào Văn Ng, sinh ngày 28/02/1998. Hiện nay cả hai con đã trưởng thành và có gia đình riêng. Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung: Các bên đương không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 9, 14, 51 và 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Đào Văn N là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm Ng đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000703 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã V, huyện Lục Nam;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Lưu HS+VT.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Dương Thế Vinh